TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 183/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08/09/2017
V/v: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG TỈNH KHÁNH HÒA
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **ĐÀM THỊ BÍCH NGỌC**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **NGUYỄN THỊ LÝ**
2. Bà **NGUYỄN THỊ TỈNH**

-*Thư ký phiên tòa* : Bà **TRẦN THỊ HỒNG –** *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.*

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa*: Ông **LÊ HOÀNG ANH**– Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 09 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 803/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 về yêu cầu "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **A** - Sinh năm 1978.
Địa chỉ: Phường N, Nha Trang, Khánh Hòa. Có mặt.
2. Bị đơn: Ông **B-** Sinh năm 1971.
Địa chỉ: Phường N, Nha Trang, Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 03/7/2017 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà A trình bày*: Bà và ông B tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 1996 tại Ủy ban nhân dân phường M. Trong quá trình chung sống, bà và ông B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà và ông B có 02 con chung là C – sinh ngày 24/6/1996 và cháu D - sinh ngày 16/7/1998. Các cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, ông B trình bày:*Ông đồng ý với lời trình bày của bà A về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, con chung và tài sản chung. Ông không đồng ý ly hôn với bà A vì đang còn tình cảm yêu thương bà A và ông không muốn các con phải sống thiếu cha, mẹ.

***** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà A được ly hôn với ông B, về con chung đã trưởng thành nên không xem xét, về tài sản chung, nợ chung bà A và ông B không yêu cầu nên không xem xét; về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự xác định bà A và ông B có đăng ký kết hôn năm 1996 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Nha Trang, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận.

Tại phiên tòa bà A giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông B.

Quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, kéo dài nhiều năm do bất đồng quan điểm, bà A không còn tình cảm yêu thương ông B. Tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc sống chung vợ chồng cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà A.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không xét.

Về tài sản chung: Bà A và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà A phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

***Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà A.**

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà A được ly hôn với ông B.

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không xét.

3. Về tài sản chung: Bà A và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà A phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0007125 ngày 19/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Như vậy, bà A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo: Bà A và ông B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đàm Thị Bích Ngọc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.Nha Trang;
- Chi cục THA.DS TP.Nha Trang;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND phường M
(số 18 ngày 24/1/1996)
- Lưu án văn, hồ sơ;